TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH BẮC GIAG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 18 - 3 - 2019
V/v ly hôn giữa bà A, ông C

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Ngọc Giới;
2. Bà Đỗ Thị Hoài Mơ;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N *tham gia phiên toà:*
Ông Thân Mạnh Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc GiAg xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 556/ 2018/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc " ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐST- HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐST- HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị A - sinh năm 1961 "có mặt".
2. *Bị đơn:* Ông Đặng Văn C, sinh năm 1961 " có mặt".

Cùng địa chỉ: Thôn A T, xã S, huyện N, tỉnh Bắc GiAg.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/12/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Vũ Thị A trình bày:

Về hôn nhân: Bà kết hôn với ông Đặng Văn C từ năm 1981 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống với nhau ngay tại thôn A T, xã S. Thời giA đầu vợ chồng chung sống hòa hợp, hạnh phúc, đến năm 1991 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng không hợp nhau, hay bất đồng quA điểm sống, ông C hay uống rượu say, không quA tâm, không có

trách nhiệm với bà và gia đình, ngoài ra ông C còn có quA hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Tuy bà và các con đã khuyên bảo ông C nhiều lần nhưng ông C không thay đổi. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 11 năm 2018 cho đến nay, không còn quA hệ tình cảm cũng như kinh tế. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không thể duy trì cuộc sống chung được nữa, bà xin ly hôn với ông C.

Về nuôi con chung: Các cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng, chung; Công nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình xét xử, ông Đặng Văn C trình bày:

Ông xác định về quA hệ hôn nhân, thời giA vợ chồng về chung sống với nhau và không có đăng ký kết hôn như lời trình bày trên của bà C là hoàn toàn đúng. Trong quá trình chung sống, ông xác định vợ chồng có mâu thuẫn do ông hay tụ tập bạn uống rượu, bà A không thích dẫn tới vợ chồng hay cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 11/2018 cho đến nay không còn quA hệ tình cảm cũng như kinh tế. Nay ông không không nhất trí ly hôn và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ.

Về nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng, chung; Công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 28/12/2018, UBND xã S, huyện N xác nhận bà Vũ Thị A và ông Đặng Văn C chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 1981 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên toà, Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên toà Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về phía các đ-ương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016:

Về quA hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị A được ly hôn với ông Đặng Văn C.

Ngoài ra còn đề xuất về án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm vấn cụng khai tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả trAh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]***Về hôn nhân*:** Bà Vũ Thị A và ông Đặng Văn C về chung sống với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn từ năm 1981, quA hệ vợ chồng giữa bà A và ông C được xác lập trước ngày 03/1/1987, như vậy theo quy định tại điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân giữa bà A và ông C là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời giA chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã kéo dài từ năm

1991, nguyên nhân là do ông C hay uống rượu, không quA tâm tới gia đình, vợ chồng hay bất đồng quA điểm sống. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 11 năm 2018 cho đến nay, không còn quA hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế. Vì vậy xác định hôn nhân của bà A, ông C đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Nay bà A xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị ly hôn. Do vậy căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà A được ly hôn với ông C.

Về nuôi con chung: *Về tài sản riêng, chung; Công nợ chung:* Do các bên không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2] ***Về án phí:*** Bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

[3] ***Về quyền kháng cáo:*** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 xử:

1. Về quA hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Vũ Thị A và ông Đặng Văn C.

2. Về án phí**:** Bà Vũ Thị A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận bà A đã nộp đủ số tiền 300.000đ tại biên lai thu số AA/2017/003606 ngày 10/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Bắc GiAg.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAD tỉnh Bắc GiAg;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện LN;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Linh